

Bản án số: 82/2018/HNGĐ-ST

Ngày 30-8-2018

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Duy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Hồng Sáng

Bà Hà Thị Dung

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Thanh Huy – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Bà Dương Thy Trúc Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 292/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2018/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1982;

Địa chỉ: thôn V, xã H, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa. (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1981;

Địa chỉ: ấp A, xã AD, huyện B, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/5/2018, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 16/7/2018 nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn năm 2007 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AD, huyện B, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết

hôn, hai vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình hai bên không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên dẫn đến thường xuyên cự cãi, từ đó tình cảm vợ chồng rạn nứt. Từ tháng 12 năm 2008 chị đã đưa con chung về nhà gia đình cha mẹ ruột sống từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, hai bên đã không còn liên lạc để hàn gắn tình cảm và cũng không còn quan tâm chăm sóc đến nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng đã không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: có 01 con chung là Nguyễn Phạm Như Q, sinh ngày 02/11/2007 hiện đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không tiến hành thu thập được lời khai.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thấy rằng Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng; thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư khách quan, độc lập khi xét xử; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 để xét xử nhưng vẫn vắng mặt do đó, chị Phạm Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt nên vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Văn H là vợ chồng, có thực hiện việc đăng ký kết tại Ủy ban nhân dân xã AD, huyện B nên là hôn nhân hợp pháp. Theo chị L nguyên nhân mâu thuẫn là hai bên vợ chồng tính tình không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Giữa chị L và anh H đã sống ly thân từ năm 2008 đến nay, không có hàn gắn, do đó yêu căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ. Trong thời gian chung sống chị L và anh H có 01 con chung tên Nguyễn Phạm Như Q, sinh ngày 02/11/2007 hiện đang sống với chị L, có cuộc sống và sinh hoạt ổn định. Hơn nữa cháu Q có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ nên đề nghị ghi nhận. Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L với anh H; Con chung: giao cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Phạm Như Q,

sinh ngày 02/11/2007, ghi nhận chị L tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn H là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn chị Phạm Thị L vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh H, chị L là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Văn H kết hôn vào năm 2007 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Đức, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị L và anh H phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay chị L và anh H đã sống ly thân với nhau từ năm 2008. Trong thời gian sống ly thân, hai bên cũng không tìm ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Ba Tri đã tiến hành tổ chức phiên H giải để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do. Điều đó thể hiện anh H đã không có thiện chí muốn vợ chồng đoàn tụ. Điều đó cho thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì tình trạng hôn nhân sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của các thành viên trong gia đình. Do vậy, việc yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị L đối với anh Nguyễn Văn H là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Trong quá trình chung sống với nhau, chị L và anh H có 01 con chung là Nguyễn Phạm Như Q, sinh ngày 02/11/2007 hiện đang sống cùng với chị L. Hiện tại con chung của chị L và anh H đang sống với chị L, có cuộc sống và sinh hoạt ổn định. Hơn nữa, tại biên bản hỏi ý kiến thì cháu Nguyễn Phạm Như Q có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao cho chị L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Phạm Như Q sẽ đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt cho con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ

thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị L không yêu cầu anh Nguyễn Văn H phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nguyên đơn chị Phạm Thị L phải nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.
2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Phạm Như Q, sinh ngày 02/11/2007 cho chị Phạm Thị L được quyền tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị L không yêu cầu anh Nguyễn Văn H phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Trường hợp anh H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp của con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn chị Phạm Thị L phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0017674 ngày 04/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre. Chị Phạm Thị L đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn chị Phạm Thị L, bị đơn anh Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện B, tỉnh Bến Tre;
- UBND xã AD, huyện B, tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Duy Linh